TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PA** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2017/QĐST-HNGĐ	*Krông Pa, ngày 13 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1981

Địa chỉ:: Tổ dân phố 10, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 69, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Nga, sinh năm 1986 và anh Nguyễn Hữu Đồng, sinh năm 1981.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hữu Đ kết hôn hợp pháp ngày 21/9/2012 trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ tình cảm của hai bên. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu vì bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong việc tạo dựng hạnh phúc gia đình nên gây ra

nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, vợ chồng không quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mẫu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng. Mâu thuẫn gia đình đã được hòa giải nhiều lần, Tòa án đã hòa giải nhưng chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hữu Đ vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, có tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được do đó các đương sự thống nhất chọn giải pháp thuận tình ly hôn.

-*Về con:* Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hữu Đ có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/6/2015. Các đương sự thống nhất giao con Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/6/2015 cho chị Võ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày 05/9/2017 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Nguyễn Hữu Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Võ Thị Nga.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh Nguyễn Hữu Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Võ Thị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

-*Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Võ Thị N là 1.000.000đồng/01 con/01 tháng kể từ tháng 9/2017 và chấm dứt khi có một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

-*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Toà án tiến hành hoà giải các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

thì chỉ phải chịu 50% mức án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng),* trong đó chị Võ Thị N phải chịu 75.000 đồng và anh Nguyễn Hữu Đ phải chịu 75.000 đồng. Chị Võ Thị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* cả phần của anh Nguyễn Hữu Đ nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005903 ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho chị Võ Thị N 300.000 đồng - 150.000 đồng = 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* chênh lệch.

Án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* Toà án tiến hành hoà giải các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì chỉ phải chịu 50% mức án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng),* trong đó chị Võ Thị N phải chịu 75.000 đồng và anh Nguyễn Hữu Đ phải chịu 75.000 đồng. Anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian của số tiền còn phải thi hành án.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA TAND t.Gia Lai (01 bản);
- VKSND h.Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS h.Krông Pa (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- UBND thị trấn Phú Túc (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản).

THẨM PHÁN

Đỗ Khắc Toản